

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 72/2019/DS -ST

Ngày 11/10/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư;

2. Bà Nguyễn Thị Song Trà;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2019/TLST-DS ngày 29/5/2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2019/QĐXXST- DS ngày 09/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2019/QĐST-DS ngày 23/8/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 190/2019/QĐST-DS ngày 13/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SG TT (Ngân hàng)

Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Đức Thạch D chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ: Số A, đường N, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng- chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số B đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 3966/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018). Ông T

ủy quyền lại cho các ông, bà: Ông Nguyễn Vũ T1, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng - chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số B đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 218/2018/QĐ-CNQNI ngày 29/12/2018); ông Trần Minh H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng - chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số B đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền số 69/2019/QĐ-CNQNI ngày 22/4/2019) và bà Thái Thị L, chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro, địa chỉ: Thôn H 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Theo Giấy ủy quyền số 89/2019/QUQQNI, ngày 31/5/2019), bà L có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc M sinh năm 1971 và bà Hồ Thị N sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông M có mặt, bà N vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Nguyễn Ngọc L1 sinh năm 1992

- Chị Lưu Thị Bé H1 sinh năm 1992

- Cháu Nguyễn Lưu Tấn P (06 tuổi) và cháu Nguyễn Lưu Khả L2 (02 tuổi).

Người đại diện hợp pháp của cháu P, L2 là anh Nguyễn Ngọc L1 và chị Lưu Thị Bé H1.

- Cháu Nguyễn Hồ NY sinh năm 2003

Người đại diện hợp pháp của cháu Ý là ông Nguyễn Ngọc M và bà Hồ Thị N.

- Anh Nguyễn Hồ H1 sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi,

Anh L1, chị H1, anh H1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phê duyệt cấp tín dụng của ông Nguyễn Ngọc M và bà Hồ Thị N, ngày 01/8/2017 Ngân hàng đã ký với ông M, bà N hợp đồng tín dụng số LD1720700016 để cho ông M, bà N vay tổng số tiền 4.500.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: Sửa chữa 02 tàu thuyền, thay ngư lưới cụ; lãi suất vay: 0,875%/tháng áp dụng cho 03 tháng đầu,

từ tháng thứ 04 sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, gốc trả hàng quý; Ông M và bà N đã ký tên vào Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ Ngân hàng ngày 05/8/2017.

Ngày 01/02/2019 Ngân hàng tiếp tục ký với ông Nguyễn Ngọc M, bà Hồ Thị N hợp đồng tín dụng số LD1903100515 để cho ông M, bà N vay tổng số tiền 1.500.000.000 đồng; thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh hoạt động đánh bắt thủy hải sản; lãi suất vay: 10,5%/năm; phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ; Ông M và bà N đã ký tên vào Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ Ngân hàng ngày 01/02/2019.

Ngoài ra, ông M và bà N còn ký với Ngân hàng hai hợp đồng cấp thẻ tín dụng: hạn mức 100.000.000 đồng đối với ông Nguyễn Ngọc M, hạn mức 50.000.000 đồng đối với bà Hồ Thị N.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của mình, ông M và bà N đã ký với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp tài sản số LD 1903100515 ngày 01/02/2019, được công chứng tại Văn phòng công chứng Sơn Tịnh ngày 01/02/2019, đăng ký thế chấp ngày 01/02/2019 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 352, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,3m² tại thôn Cổ Lũy Làng Cá, xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01325 ngày 25/11/2011 cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Hồ Thị N. Ngày 01/02/2019 ông M, bà N cam kết toàn bộ phần diện tích công trình xây dựng (kể cả không có giấy tờ pháp lý hợp lệ) trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp, cụ thể: Nhà ở tại nông thôn, diện tích xây dựng 103,3m², diện tích sàn 270m², kết cấu: Nhà cấp 3, số tầng 3, kết cấu tường xây gạch, nền lát gạch men, mái lợp ngói, xây dựng vào tháng 11/2016, giá trị còn lại khoảng 90%. Cam kết được chứng thực tại Văn phòng công chứng Sơn Tịnh ngày 01/02/2019.

Hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1903100515 ngày 01/02/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Sơn Tịnh ngày 01/02/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/02/2019 thế chấp một tàu cá số đăng ký QNg-92071-TS, tổng công suất 918CV, Quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 107.25 TĐK, công dụng khai thác TS, năm đóng 2014, nơi đóng Nghĩa Phú- TP Quảng Ngãi, vật liệu gỗ, chiều dài Lmax 24,7m, chiều rộng Bmax 6,4m, chiều cao mạn D 3m, số

lượng máy 01, kiểu máy Mitsubishi, số máy 66791, năm chế tạo Nhật, chủ tàu Nguyễn Ngọc M.

Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1903100515 ngày 01/02/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Sơn Tịnh ngày 01/02/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/02/2019 thế chấp một tàu cá số đăng ký QNg-92072-TS, tổng công suất 918CV, Quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 74.83TĐK, công dụng khai thác TS, năm đóng 2014, nơi đóng Nghĩa Phú- TP Quảng Ngãi, vật liệu gỗ, chiều dài Lmax 21.50m, chiều rộng Bmax 5.8m, chiều cao mạn D 2.7m, số lượng máy 01, kiểu máy Mitsubishi, số máy 66892, năm chế tạo Nhật, chủ tàu Nguyễn Ngọc M.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 11/10/2019, ông M và bà N còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng LD1720700016 ký ngày 01/8/2017: Nợ gốc là 3.064.918.647 đồng, nợ lãi trong hạn là 233.639.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.482.511 đồng, tổng cộng là 3.305.040.491 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng LD1903100515 ký ngày 01/02/2019: Nợ gốc là 1.450.122.760 đồng, nợ lãi trong hạn là 133.448.525 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.546.097 đồng, tổng cộng là 1.585.117.382 đồng.

Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng:

Ông M còn nợ gốc là 80.805.280 đồng, nợ lãi trong hạn 145.700 đồng, tổng cộng là 80.950.980 đồng; bà N còn nợ gốc là 25.675.680 đồng, nợ lãi trong hạn 266.934 đồng, tổng cộng 25.942.614 đồng.

Tổng cộng tất cả các khoản nợ gốc và lãi thì ông Nguyễn Ngọc M và bà Hồ Thị N còn nợ Ngân hàng: 4.997.051.467 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông M và bà N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 4.997.051.467 đồng (tạm tính đến 11/10/2019), ông M và bà N phải tiếp tục trả lãi P sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/10/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông M và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông M và bà N; hai tàu cá đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Ngọc M theo các hợp đồng thế chấp đã ký) để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ

thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông M và bà N có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

** Tại Biên bản làm việc ngày 19/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông M trình bày:*

Ông M và bà N là vợ chồng, ông bà thống nhất về việc có ký các hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đúng như Ngân hàng trình bày. Ông và bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 4.997.051.467 đồng tạm tính đến ngày 11/10/2019. Do hoàn cảnh kinh tế hiện đang khó khăn, ông bà đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông bà được trả dần số tiền nợ cho đến khi hết nợ.

Trong trường hợp ông, bà không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì ông M và bà N đồng ý giao tài sản thế chấp cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý để trả nợ cho Ngân hàng.

Hiện nay ngôi nhà đã thế chấp cho Ngân hàng tại thôn Cổ Lũy Làng Cá, xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có 08 người đang sinh sống gồm: Ông M, bà N; cháu Nguyễn Lưu Tấn P, Nguyễn Lưu Khả L2 (cháu nội của ông M, bà N), anh Nguyễn Ngọc L1 (con ông M, bà N), chị Lưu Thị Bé H1 (con dâu ông M, bà N), cháu Nguyễn Hồ NY (con ông M, bà N), anh Nguyễn Hồ H1 (con ông M, bà N). Toàn bộ tài sản thế chấp là của vợ chồng ông M, bà N; những người đang sinh sống không đóng góp gì. Từ khi thế chấp đến nay ông, bà không sửa sang, thay đổi gì tài sản thế chấp. Tại Biên bản làm việc ngày 19/6/2019, ông M và bà N không nhớ chính xác tên của cháu NY nên khai nhầm là Hồ Thị NY nay ông M xin đính chính họ và tên cháu NY là Nguyễn Hồ NY (sinh năm 2003), ông M và bà N là người đại diện hợp pháp của cháu Ý và không có ý kiến gì về các văn bản tố tụng có liên quan đến cháu Ý.

** Tại Biên bản làm việc ngày 20/6/2018 chị Lưu Thị Bé H1 trình bày:*

Chị là con dâu của ông M, bà N, vợ của anh Nguyễn Ngọc L1. Nguồn gốc ngôi nhà ông M, bà N đã thế chấp cho Ngân hàng tại thôn Cổ Lũy Làng Cá, xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi là tài sản của ông M, bà N. Chị và anh L1 không đóng góp gì. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp trả nợ cho Ngân hàng thì chị và anh L1 sẽ chấp hành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

** Bị đơn bà Hồ Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc L1, chị Lưu Thị Bé H1, anh Nguyễn Hồ H1 đã được tổng đạt hợp lệ các*

văn bản tố tụng nH1 không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án và không đến Tòa làm việc.

**Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông M và bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 4.997.051.467 đồng (tạm tính đến 11/10/2019).*

Ông M và bà N phải tiếp tục trả lãi P sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/10/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông M và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký để trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông M và bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ, ông M và bà N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nH1 bị đơn bà Hồ Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc L1, chị Lưu Thị Bé H1, anh Nguyễn Hồ H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M và bà Hồ Thị N phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo

các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án và ông M, bà N thừa nhận thì Ngân hàng và ông M, bà N đã ký hợp đồng tín dụng số LD1720700016 ngày 01/8/2017, hợp đồng tín dụng số LD1903100515 ngày 01/02/2019, hai hợp đồng cấp thẻ tín dụng: hạn mức 100.000.000 đồng đối với ông Nguyễn Ngọc M, hạn mức 50.000.000 đồng đối với bà Hồ Thị N. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tạm tính đến ngày 11/10/2019 ông M và bà N còn nợ Ngân hàng:

Đối với hợp đồng tín dụng LD1720700016 ký ngày 01/8/2017: Nợ gốc là 3.064.918.647 đồng, nợ lãi trong hạn là 233.639.333 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.482.511 đồng, tổng cộng là 3.305.040.491 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng LD1903100515 ký ngày 01/02/2019: Nợ gốc là 1.450.122.760 đồng, nợ lãi trong hạn là 133.448.525 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.546.097 đồng, tổng cộng là 1.585.117.382 đồng.

Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng: Ông M còn nợ gốc là 80.805.280 đồng, nợ lãi trong hạn 145.700 đồng, tổng cộng là 80.950.980 đồng; bà N còn nợ gốc là 25.675.680 đồng, nợ lãi trong hạn 266.934 đồng, tổng cộng 25.942.614 đồng.

Tổng cộng tất cả các khoản nợ gốc và lãi thì ông Nguyễn Ngọc M và bà Hồ Thị N còn nợ Ngân hàng: 4.997.051.467 đồng.

Ông M, bà N thống nhất có vay và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra không phải chứng minh nên Ngân hàng yêu cầu ông M và bà N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ bao gồm nợ gốc và nợ lãi tính đến 11/10/2019 là 4.997.051.467 đồng và tiền lãi P sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 12/10/2019 cho đến khi tất toán hợp đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông M, bà N thừa nhận để đảm bảo khoản vay thì ông M và bà N đã ký với Ngân hàng ba hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số LD 1903100515 ngày 01/02/2019 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 352, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,3m² tại thôn Cổ Lũy Làng Cá, xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01325 ngày 25/11/2011 cho ông Nguyễn

Ngọc M và bà Hồ Thị N. Ngày 01/02/2019 ông M, bà N cam kết toàn bộ phần diện tích công trình xây dựng (kể cả không có giấy tờ pháp lý hợp lệ) trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp; Hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1903100515 ngày 01/02/2019 thế chấp một tàu cá số đăng ký QNg-92071-TS, chủ tàu Nguyễn Ngọc M; Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1903100515 ngày 01/02/2019 thế chấp một tàu cá số đăng ký QNg-92072-TS, chủ tàu Nguyễn Ngọc M. Các hợp đồng được công chứng, chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra không phải chứng minh, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông M và bà N không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông M và bà N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông M và bà N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, Ngân hàng đã tạm ứng số tiền trên và đã chi xong nên ông M và bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông M và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 157, 158, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM CP SAG TT. Buộc ông Nguyễn Ngọc M và bà Hồ Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SG TT số tiền còn nợ cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng tín dụng LD1720700016 ký ngày 01/8/2017: Nợ gốc là 3.064.918.647 đồng (Ba tỷ, không trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm mười tám

ngàn, sáu trăm bốn mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn là 233.639.333 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi chín ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn là 6.482.511 đồng (Sáu triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm mười một đồng), tổng cộng là 3.305.040.491 đồng (Ba tỷ, ba trăm lẻ năm triệu, không trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm chín mươi một đồng).

Đối với hợp đồng tín dụng LD1903100515 ký ngày 01/02/2019: Nợ gốc là 1.450.122.760 đồng (Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, một trăm hai mươi hai ngàn, bảy trăm sáu mươi đồng), nợ lãi trong hạn là 133.448.525 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi tám ngàn, năm trăm hai mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 1.546.097 đồng (Một triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn, không trăm chín mươi bảy đồng), tổng cộng là 1.585.117.382 đồng (Một tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu, một trăm mười bảy ngàn, ba trăm tám mươi hai đồng).

Đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng: Ông M còn nợ gốc là 80.805.280 đồng (Tám mươi triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, hai trăm tám mươi đồng), nợ lãi trong hạn 145.700 đồng (Một trăm bốn mươi lăm ngàn, bảy trăm đồng), tổng cộng là 80.950.980 đồng (Tám mươi triệu, chín trăm năm mươi ngàn, chín trăm tám mươi đồng); bà N còn nợ gốc là 25.675.680 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn, sáu trăm tám mươi đồng), nợ lãi trong hạn 266.934 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu ngàn, chín trăm ba mươi bốn đồng), tổng cộng 25.942.614 đồng (Hai mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm mười bốn đồng).

Tổng cộng tất cả các khoản nợ gốc và lãi thì ông Nguyễn Ngọc M và bà Hồ Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP SG TT số tiền 4.997.051.467 đồng (Bốn tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, không trăm năm mươi một ngàn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng) (tiền lãi tạm tính đến ngày 11/10/2019).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông M và bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp ông M và bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP SG TT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ phần diện tích công trình xây dựng (kể cả không có giấy tờ pháp lý hợp lệ) là: Nhà ở tại nông thôn, diện tích xây dựng 103,3m², diện tích sàn 270m², kết cấu: Nhà cấp 3, số tầng 3, kết cấu tường xây gạch, nền lát gạch men, mái lợp ngói, xây dựng vào tháng 11/2016, giá trị còn lại khoảng 90% tại thửa đất số 352, tờ bản đồ số 10, diện tích 103,3m² tại thôn Cổ Lũy Làng Cá, xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01325 ngày 25/11/2011 cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Hồ Thị N theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD 1903100515 ngày 01/02/2019, được công chứng tại Văn phòng công chứng Sơn Tịnh ngày 01/02/2019, đăng ký thế chấp ngày 01/02/2019 và Cam kết thế chấp của ông M, bà N ngày 01/02/2019.

Một tàu cá số đăng ký QNg-92071-TS, tổng công suất 918CV, quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 107.25 TĐK, công dụng khai thác TS, năm đóng 2014, nơi đóng Nghĩa Phú- TP Quảng Ngãi, vật liệu gỗ, chiều dài Lmax 24,7m, chiều rộng Bmax 6,4m, chiều cao mạn D 3m, số lượng máy 01, kiểu máy Mitsubishi, số máy 66791, năm chế tạo Nhật, chủ tàu Nguyễn Ngọc M theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1903100515 ngày 01/02/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Sơn Tịnh ngày 01/02/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/02/2019.

Một tàu cá số đăng ký QNg-92072-TS, tổng công suất 918CV, Quốc tịch Việt Nam, tổng dung tích 74.83TĐK, công dụng khai thác TS, năm đóng 2014, nơi đóng Nghĩa Phú- TP Quảng Ngãi, vật liệu gỗ, chiều dài Lmax 21.50m, chiều rộng Bmax 5.8m, chiều cao mạn D 2.7m, số lượng máy 01, kiểu máy Mitsubishi, số máy 66892, năm chế tạo Nhật, chủ tàu Nguyễn Ngọc M theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số 02/LD1903100515 ngày 01/02/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng Sơn Tịnh ngày 01/02/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/02/2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông M và bà N có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP SG TT cho đến khi trả nợ xong.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Ông M và bà N phải chịu nhưng Ngân hàng TMCP SG TT đã tạm ứng số tiền

trên và đã chi phí xong nên buộc ông M và bà N phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG TT 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M và bà N phải chịu 112.997.051 đồng (Một trăm mười hai triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi mốt đồng).

6. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG TT số tiền 56.501.352 đồng (Năm mươi sáu triệu, năm trăm lẻ một ngàn, ba trăm năm mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001257 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly